

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	12,599,550,499	7,000,000,000	5,599,550,499	10,008,904,780	3,638,320,000	6,370,584,780	79.44	51.98	113.77
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	3,499,467,000	3,499,467,000		2,550,000,000	2,550,000,000		72.87	72.87	
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	427,420,000	427,420,000		88,320,000	88,320,000		20.66	20.66	
4	Chi văn hóa, thông tin	32,392,000		32,392,000	32,392,000		32,392,000	100		100
5	Chi phát thanh, truyền thanh	91,963,000		91,963,000	91,963,000		91,963,000	100		100
6	Chi thể dục, thể thao	32,000,000		32,000,000	1,032,000,000	1,000,000,000	32,000,000	3225		100
7	Chi bảo vệ môi trường	74,266,400		74,266,400	74,266,400		74,266,400	100		100
8	Chi các hoạt động kinh tế	739,921,200	680,575,000	59,346,200	59,346,200		59,346,200	8.02		100
	Giao thông	713,050,000	680,575,000	32,475,000	32,475,000		32,475,000	4.55		100
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	26,871,200		26,871,200	26,871,200		26,871,200	100		100
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6,887,372,899	2,392,538,000	4,494,834,899	4,372,154,899		4,372,154,899	63.48		97.27
10	Chi cho công tác xã hội	744,748,000		744,748,000	744,748,000		744,748,000	100		100
11	Chi khác	70,000,000		70,000,000	394,224,501		394,224,501	563.18		563.18
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				569,489,780		569,489,780			